

Số: 934/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 05 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục 15 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Du lịch; danh mục 48 thành phần hồ sơ phải số hoá của 15 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Du lịch; danh mục 01 thủ tục hành chính tái sử dụng (có kết quả giải quyết là thành phần hồ sơ của thủ tục hành chính khác) trong lĩnh vực Du lịch thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Tuyên Quang

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Điều 2 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;

Căn cứ Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ Quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hoá hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1998/QĐ-BVHTTDL ngày 22/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Du lịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này:

1. Danh mục 15 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Du lịch thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Tuyên Quang (có Phụ lục I chi tiết kèm theo).

2. Danh mục 48 thành phần hồ sơ phải số hoá của 15 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Du lịch thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử (có Phụ lục II chi tiết kèm theo).

3. Danh mục 01 thủ tục hành chính tái sử dụng (có kết quả giải quyết là thành phần hồ sơ của thủ tục hành chính khác) trong lĩnh vực Du lịch thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Tuyên Quang (có Phụ lục III chi tiết kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì; phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan:

a) Cập nhật, công khai trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính, Cổng thông tin điện tử tỉnh, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh, Trang thông tin điện tử của Sở, tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh đối với Danh mục, nội dung cụ thể của thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết theo quy định tại Điều 15 Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ. **Thời gian hoàn thành trong 02 ngày làm việc kể từ ngày ban hành Quyết định.**

b) Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hồ sơ công bố quy trình giải quyết thủ tục hành chính (nếu có); xây dựng biểu mẫu điện tử tương tác (e-Form) đối với thủ tục hành chính nêu tại Điều 1 Quyết định này trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh (nếu có). **Thời gian hoàn thành trong 07 ngày làm việc kể từ ngày Quyết định có hiệu lực thi hành.**

c) Thực hiện cấu hình bắt buộc Danh mục thành phần hồ sơ phải số hóa và kết quả giải quyết thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Tuyên Quang. **Thời gian hoàn thành trong 05 ngày làm việc kể từ ngày ban hành Quyết định.**

d) Sử dụng biểu mẫu điện tử tương tác (e-Form); số hóa, tái sử dụng thành phần hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính khi tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính theo quy định.

2. Giao Sở Thông tin và Truyền thông:

a) Đảm bảo về kỹ thuật trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh để các cơ quan, đơn vị hoàn thành nhiệm vụ được giao tại Quyết định này.

b) Chỉ đạo Viễn thông Tuyên Quang cử cán bộ kỹ thuật thường xuyên hỗ trợ các cơ quan, đơn vị trong quá trình triển khai, thực hiện nhiệm vụ được giao tại Quyết định này.

c) Kịp thời báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh những vướng mắc, hoặc đề xuất giải pháp khắc phục, nâng cao tỷ lệ số hóa thành phần hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính (nếu có).

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20/8/2024.

1. Bãi bỏ thủ tục hành chính số thứ tự 109, 110, điểm C1 (Lữ hành); thủ tục hành chính số thứ tự 124, 125, 126, 127, 128 điểm C2 (Dịch vụ du lịch khác), mục C, Phần I Danh mục 154 thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Tuyên Quang ban hành kèm theo Quyết định số 36/QĐ-UBND ngày 18/01/2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Bãi bỏ 08 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ trong lĩnh vực Du lịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch tỉnh Tuyên Quang ban hành kèm theo Quyết định số 58/QĐ-UBND ngày 25/01/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Bãi bỏ 15 thủ tục hành chính, 42 thành phần hồ sơ thuộc lĩnh vực du lịch tại mục IV Phần A Danh mục 7.519 thành phần hồ sơ phải số hóa theo quy định tại Thông tư số 01/2023/TT-VPCP của 1.736 thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của tỉnh Tuyên Quang ban hành kèm theo Quyết định số 324/QĐ-UBND ngày 30/3/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở; Thủ trưởng Ban, ngành và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- VPCP (Cục KSTTHC) (báo cáo);
- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 4 (thực hiện);
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Công an tỉnh;
- Bưu điện tỉnh;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Viễn thông Tuyên Quang;
- UBND huyện, thành phố;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh (đăng tải);
- Phòng TH-VX (đ/c Giang);
- Lưu: VT, THCBKS^{Nhung}.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hoàng Việt Phương

PHỤ LỤC I
DANH MỤC 15 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
TRONG LĨNH VỰC DU LỊCH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA
SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO DU LỊCH TỈNH TUYÊN QUANG

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 934/QĐ-UBND ngày 05 tháng 8 năm 2024
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)*

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện	
							Tại BP MC	DV BC CI
1	2.001628	Cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa ¹	07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ ²	1. Trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: Số 609 đường Quang Trung, phường Phan Thiết, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang (Quầy tiếp nhận và trả kết quả Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch) 2. Trực tuyến: Cổng Dịch vụ công tỉnh https://dichvucong.tuyenquang.gov.vn)	1.500.000 đồng/giấy phép	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017. - Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ. - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	X	X
2	2.001616	Cấp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa ³	3,5 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ ⁴		750.000 đồng/giấy phép	- Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - <i>Thông tư số 04/2024/TT-BVHTTDL ngày 26/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 và Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</i>	X	X
3	2.001622	Cấp đổi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa ⁵	3,5 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ ⁶		1.000.000 đồng/giấy phép	- <i>Thông tư số 04/2024/TT-BVHTTDL ngày 26/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 và Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.</i> - <i>Thông tư số 43/2024/TT-BTC ngày 28/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, một số khoản phí, lệ phí nhằm tiếp tục tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.</i>	X	X

¹Sửa đổi, bổ sung thành phần hồ sơ; tên mẫu đơn, mẫu tờ khai; phí, lệ phí; căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

²Giảm thời gian giải quyết từ 10 ngày còn 07 ngày

³Sửa đổi, bổ sung thành phần hồ sơ; tên mẫu đơn, mẫu tờ khai; phí, lệ phí; căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

⁴Giảm thời gian giải quyết từ 05 ngày còn 3,5 ngày

⁵Sửa đổi, bổ sung thành phần hồ sơ; tên mẫu đơn, mẫu tờ khai; phí, lệ phí; căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

⁶Giảm thời gian giải quyết từ 05 ngày còn 3,5 ngày

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện	
							Tại BP MC	DV BC CI
4	2.001611	Thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp chấm dứt hoạt động kinh doanh dịch vụ lữ hành ⁷	3,5 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ ⁸	1. Trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: Số 609 đường Quang Trung, phường Phan Thiết, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang (Quầy tiếp nhận và trả kết quả Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch) 2. Trực tuyến: Cổng Dịch vụ công tỉnh https://dichvucong.tuyenquang.gov.vn	Không	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017. - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. - Thông tư số 13/2021/TT-BVHTTDL ngày 30/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. - Thông tư số 04/2024/TT-BVHTTDL ngày 26/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 và Thông tư số 13/2019/TTBVHTTDL ngày 25/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	x	x
5	2.001589	Thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp giải thể ⁹	3,5 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ ¹⁰		Không		x	x

⁷Sửa đổi, bổ sung thành phần hồ sơ; tên mẫu đơn, mẫu tờ khai; căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

⁸Giảm thời gian giải quyết từ 05 ngày còn 3,5 ngày

⁹Sửa đổi, bổ sung thành phần hồ sơ; tên mẫu đơn, mẫu tờ khai; căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

¹⁰Giảm thời gian giải quyết từ 05 ngày còn 3,5 ngày

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện	
							Tại BP MC	DV BC CI
6	1.001440	Cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm ¹¹	07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ ¹²	1. Trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: Số 609 đường Quang Trung, phường Phan Thiết, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang (Quầy tiếp nhận và trả kết quả Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch) 2. Trực tuyến: Cổng Dịch vụ công tỉnh https://dichvucong.tuyenquang.gov.vn)	100.000 đồng/thẻ	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017. - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Thông tư số 04/2024/TT-BVHTTDL ngày 26/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 và Thông tư số 13/2019/TTBVHTTDL ngày 25/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Thông tư số 43/2024/TT-BTC ngày 28/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, một số khoản phí, lệ phí nhằm tiếp tục tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.	X	X
7	1.004628	Cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế ¹³	10,5 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ ¹⁴		325.000 đồng/thẻ		X	X
8	1.004623	Cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa ¹⁵	10,5 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ ¹⁶		325.000 đồng/thẻ		X	X
9	1.001432	Cấp đổi thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế, thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa ¹⁷	07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ ¹⁸		325.000 đồng/thẻ		X	X
10	1.004614	Cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch ¹⁹	07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ ²⁰		325.000 đồng/thẻ		X	X

¹¹Sửa đổi, bổ sung thành phần hồ sơ; tên mẫu đơn, mẫu tờ khai; phí, lệ phí; căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

¹²Giảm thời gian giải quyết từ 10 ngày còn 07 ngày

¹³Sửa đổi, bổ sung thành phần hồ sơ; tên mẫu đơn, mẫu tờ khai; phí, lệ phí; yêu cầu, điều kiện thực hiện; căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

¹⁴Giảm thời gian giải quyết từ 15 ngày còn 10,5 ngày

¹⁵Sửa đổi, bổ sung thành phần hồ sơ; tên mẫu đơn, mẫu tờ khai; căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

¹⁶Giảm thời gian giải quyết từ 15 ngày còn 10,5 ngày

¹⁷Sửa đổi, bổ sung thành phần hồ sơ; tên mẫu đơn, mẫu tờ khai; yêu cầu, điều kiện; căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

¹⁸Giảm thời gian giải quyết từ 10 ngày còn 07 ngày

¹⁹Sửa đổi, bổ sung thành phần hồ sơ; tên mẫu đơn, mẫu tờ khai; yêu cầu, điều kiện; căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

²⁰Giảm thời gian giải quyết từ 10 ngày còn 07 ngày

TT	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cách thức thực hiện	
							Tại BP MC	DV BC CI
11	1.004551	Công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ thể thao đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch ²¹	14 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ ²²	1. Trực tiếp: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: Số 609 đường Quang Trung, phường Phan Thiết, thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang (Quầy tiếp nhận và trả kết quả Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch)	1.000.000 đồng/hồ sơ	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017. - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Thông tư số 34/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. - Thông tư số 04/2024/TT-BVHTTDL ngày 26/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 và Thông tư số 13/2019/TTBVHTTDL ngày 25/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	X	X
12	1.004503	Công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ vui chơi, giải trí đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch ²³	14 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ ²⁴		1.000.000 đồng/hồ sơ		X	X
13	1.001455	Công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ chăm sóc sức khỏe đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch ²⁵	14 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ ²⁶		1.000.000 đồng/hồ sơ		X	X
14	1.004580	Công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ mua sắm đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch ²⁷	14 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ ²⁸		1.000.000 đồng/hồ sơ		X	X
15	1.004572	Công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch ²⁹	14 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ ³⁰		1.000.000 đồng/hồ sơ		X	X

Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là nội dung được sửa đổi, bổ sung

²¹Sửa đổi, bổ sung thành phần hồ sơ; tên mẫu đơn, mẫu tờ khai; căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

²²Giảm thời gian giải quyết từ 20 ngày còn 14 ngày

²³Sửa đổi, bổ sung thành phần hồ sơ; tên mẫu đơn, mẫu tờ khai; căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

²⁴Giảm thời gian giải quyết từ 20 ngày còn 14 ngày

²⁵Sửa đổi, bổ sung thành phần hồ sơ; tên mẫu đơn, mẫu tờ khai; căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

²⁶Giảm thời gian giải quyết từ 20 ngày còn 14 ngày

²⁷Sửa đổi, bổ sung thành phần hồ sơ; tên mẫu đơn, mẫu tờ khai; căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

²⁸Giảm thời gian giải quyết từ 20 ngày còn 14 ngày

²⁹Sửa đổi, bổ sung thành phần hồ sơ; tên mẫu đơn, mẫu tờ khai; căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính

³⁰Giảm thời gian giải quyết từ 20 ngày còn 14 ngày

PHỤ LỤC II
DANH MỤC 48 THÀNH PHẦN HỒ SƠ PHẢI SỐ HOÁ THEO QUY ĐỊNH TẠI
THÔNG TƯ SỐ 01/2023/TT-VPCP CỦA 15 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI,
BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC DU LỊCH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO DU LỊCH TỈNH TUYÊN QUANG
(Ban hành kèm theo Quyết định số 934/QĐ-UBND ngày 05 tháng 8 năm 2024
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

STT	TÊN/LĨNH VỰC/THÀNH PHẦN HỒ SƠ PHẢI SỐ HÓA
I	Cấp tỉnh: 15 thủ tục
1	Cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa
	1 Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành (theo Mẫu số 01 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 04/2024/TT-BVHTTDL ngày 26 tháng 6 năm 2024)
	2 Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
	3 Giấy chứng nhận ký quỹ kinh doanh dịch vụ lữ hành
	4 Bản sao có chứng thực quyết định bổ nhiệm hoặc hợp đồng lao động giữa doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành với người phụ trách kinh doanh dịch vụ lữ hành
	5 Bản sao có chứng thực bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành về lữ hành của người phụ trách kinh doanh dịch vụ lữ hành; hoặc bản sao có chứng thực bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành khác và bản sao có chứng thực chứng chỉ nghiệp vụ điều hành du lịch nội địa
2	Cấp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa
	1 Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa (theo Mẫu số 02 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 04/2024/TT- BVHTTDL ngày 26 tháng 6 năm 2024)
3	Cấp đổi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa
	1 Đơn đề nghị cấp đổi Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa (theo Mẫu số 02 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 04/2024/TT- BVHTTDL ngày 26 tháng 6 năm 2024)
	2 Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa của doanh nghiệp
	3 Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
4	Thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp chấm dứt hoạt động kinh doanh dịch vụ lữ hành
	1 Thông báo chấm dứt hoạt động kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa (Mẫu số 03 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 04/2024/TT-BVHTTDL ngày 26/6/2024)
	2 Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa đã được cấp
5	Thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp giải thể
	1 Thông báo chấm dứt hoạt động kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa (Mẫu số 03 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 04/2024/TT-BVHTTDL ngày 26/6/2024)
	2 Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa đã được cấp
	3 Quyết định giải thể, biên bản họp của doanh nghiệp trong trường hợp doanh nghiệp giải thể theo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều 201 Luật Doanh nghiệp

STT	TÊN/LĨNH VỰC/THÀNH PHẦN HỒ SƠ PHẢI SỐ HÓA
4	Quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Quyết định giải thể của Tòa án trong trường hợp doanh nghiệp giải thể theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 201 Luật Doanh nghiệp
6	Cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm
	1 Đơn đề nghị cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm (theo Mẫu số 04 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 04/2024/TT-BVHTTDL ngày 26/6/2024)
	2 Sơ yếu lý lịch có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú
	3 Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thẩm quyền cấp trong thời hạn không quá 06 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ
7	Cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế
	1 Đơn đề nghị cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế (theo Mẫu số 04 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 04/2024/TT-BVHTTDL ngày 26/6/2024)
	2 Sơ yếu lý lịch có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú
	3 Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thẩm quyền cấp trong thời hạn không quá 06 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ
	4 Giấy tờ chứng minh điều kiện về trình độ nghiệp vụ: Bản sao có chứng thực bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên chuyên ngành hướng dẫn du lịch; hoặc bản sao có chứng thực bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên chuyên ngành khác và bản sao có chứng thực chứng chỉ nghiệp vụ hướng dẫn du lịch quốc tế
	5 Giấy tờ chứng minh điều kiện về trình độ ngoại ngữ
6 02 ảnh chân dung màu cỡ 3 cm x 4 cm	
8	Cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa
	1 Đơn đề nghị cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa (Mẫu số 04 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 04/2024/TT-BVHTTDL ngày 26/6/2024)
	2 Sơ yếu lý lịch có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú
	3 Bản sao có chứng thực bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành hướng dẫn du lịch; hoặc bản sao có chứng thực bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành khác và bản sao có chứng thực chứng chỉ nghiệp vụ hướng dẫn du lịch nội địa
	4 Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thẩm quyền cấp trong thời hạn không quá 06 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ
5 02 ảnh chân dung màu cỡ 3 cm x 4 cm	
9	Cấp đổi thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế, thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa
	1 Đơn đề nghị cấp đổi thẻ hướng dẫn viên du lịch (theo Mẫu số 05 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 04/2024/TT-BVHTTDL ngày 26/6/2024)
	2 Sơ yếu lý lịch có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú
	3 Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thẩm quyền cấp trong thời hạn không quá 06 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ
4 02 ảnh chân dung màu cỡ 3 cm x 4 cm	

STT	TÊN/LĨNH VỰC/THÀNH PHẦN HỒ SƠ PHẢI SỐ HÓA	
	5	Bản sao có chứng thực giấy chứng nhận đã qua khóa cập nhật kiến thức cho hướng dẫn viên du lịch do Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp
	6	Thẻ hướng dẫn viên du lịch đã được cấp
10	Cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch	
	1	Đơn đề nghị cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch (theo Mẫu số 05 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 04/2024/TT-BVHTTDL ngày 26/6/2024)
	2	02 ảnh chân dung màu cỡ 3cm x 4cm
	3	Bản sao có chứng thực giấy tờ liên quan đến nội dung thay đổi trong trường hợp cấp lại thẻ do thay đổi thông tin trên thẻ hướng dẫn viên du lịch
11	Công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ thể thao đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	
	1	Đơn đề nghị công nhận cơ sở đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch (Mẫu số 10 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 được sửa đổi tại điểm b khoản 1 điều 2 Thông tư số 04/2024/TT-BVHTTDL ngày 26/6/2024)
	2	Bản thuyết minh đáp ứng các tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch
12	Công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ vui chơi, giải trí đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	
	1	Đơn đề nghị công nhận cơ sở đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch (Mẫu số 10 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 được sửa đổi tại điểm b khoản 1 điều 2 Thông tư số 04/2024/TT-BVHTTDL ngày 26/6/2024)
	2	Bản thuyết minh đáp ứng các tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch
13	Công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ chăm sóc sức khỏe đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	
	1	Đơn đề nghị công nhận cơ sở đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch (Mẫu số 10 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 được sửa đổi tại điểm b khoản 1 điều 2 Thông tư số 04/2024/TT-BVHTTDL ngày 26/6/2024)
	2	Bản thuyết minh đáp ứng các tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch
14	Công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ mua sắm đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	
	1	Đơn đề nghị công nhận cơ sở đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch (Mẫu số 10 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 được sửa đổi tại điểm b khoản 1 điều 2 Thông tư số 04/2024/TT-BVHTTDL ngày 26/6/2024)
	2	Bản thuyết minh đáp ứng các tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch
15	Công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch	
	1	Đơn đề nghị công nhận cơ sở đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch (Mẫu số 10 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 được sửa đổi tại điểm b khoản 1 điều 2 Thông tư số 04/2024/TT-BVHTTDL ngày 26/6/2024)
	2	Bản thuyết minh đáp ứng các tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch

PHỤ LỤC III
DANH MỤC 01 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TÁI SỬ DỤNG
(CÓ KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT LÀ THÀNH PHẦN HỒ SƠ CỦA THỦ TỤC
HÀNH CHÍNH KHÁC) TRONG LĨNH VỰC DU LỊCH THUỘC THẨM QUYỀN
GIẢI QUYẾT CỦA SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO DU LỊCH TỈNH TUYÊN QUANG
(Ban hành kèm theo Quyết định số 934/QĐ-UBND ngày 05 tháng 8 năm 2024
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

TT	Tên TTHC có kết quả giải quyết là thành phần hồ sơ của TTHC nêu tại cột 3 của Biểu này	Tên TTHC có thành phần hồ sơ là kết quả giải quyết của TTHC nêu tại cột 2 của Biểu này
1	2	3
1	Cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	Cấp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa
		Cấp đổi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa
		Thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp chấm dứt hoạt động kinh doanh dịch vụ lữ hành
		Thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp giải thể
		Thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp phá sản